

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số: 39/2021/HS-PT
Ngày 05-4-2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hà Nam

Các Thẩm phán: Ông Mai Anh Tuấn
Ông Nguyễn Đức Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lan Anh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Lê Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 39/2021/TLPT-HS ngày 08 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo Phạm Thị Ng, do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2021/HS-ST ngày 19-01-2021 của Toà án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- Bị cáo: **Phạm Thị Ng**, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn T, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch Việt Nam; con ông Phạm Công Tr và bà Trần Thị Ng1; có chồng là Trần Công Đ và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Trần Thị V**, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn T, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định;

Tại phiên tòa bị cáo Ng, chị V có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị Ng và Trần Thị V có quen biết nhau, cùng trú tại: Thôn T, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Do cần tiền để lo công việc cho gia đình nên trong khoảng thời gian từ ngày 24/02/2019 đến ngày 01/8/2019, Trần Thị V có đến hỏi vay tiền Ng nhiều lần, Ng đồng ý cho V vay với số tiền và lãi suất cụ thể như sau:

- *Lần thứ nhất*: Ngày 24/02/2019, Ng cho chị V vay 20.000.000đ với lãi suất là 3.000đ/1triệu/1ngày (tương đương 108%/năm). Chị V đã trả lãi cho Ng được 05 tháng gồm các tháng 3, 4, 5, 6, 7/2019 với số tiền là: 05 tháng x 1.800.000đ/1 tháng = 9.000.000đ.

Theo quy định của Bộ luật Dân sự, số tiền lãi hợp pháp được thu không quá 20%/năm của khoản tiền vay (tức tiền gốc). Như vậy, số tiền lãi hợp pháp là: (số tiền gốc : 12 tháng x 20%) x số tháng đã thu lãi (đối với tính lãi theo ngày là: số tiền gốc x (20% :12 tháng : 30 ngày) x số ngày đã thu lãi), trong trường hợp này là: (20.000.000đ : 12 x 20%) x 5 = 1.666.666đ.

Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: 9.000.000đ - 1.666.666đ = 7.333.334đ.

Tương tự cách tính như trên đối với các lần vay khác như sau:

- *Lần thứ 2*: Ngày 10/3/2019, Ng cho chị V vay 10.000.000đ với lãi suất là 3.000đ/1 triệu/ 1 ngày (tương đương 108%/năm). Ng đã thu lãi được 04 tháng gồm tháng 4, 5, 6, 7/2019 với tổng số tiền là: 3.600.000đ.

Số tiền lãi hợp pháp là: 666.666đ.

Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: 3.600.000đ - 666.666đ = 2.933.334đ.

- *Lần thứ 3*: Ngày 13/3/2019, Ng cho chị V vay 30.000.000đ với lãi suất là 3.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương 108%/năm). Ng đã thu lãi được 04 tháng gồm các tháng 4, 5, 6, 7/2019 và 19 ngày kể từ ngày 13/7/2019 đến 31/7/2019 với tổng số tiền là: 12.510.000đ.

Số tiền lãi hợp pháp là: 2.316.666đ.

Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: 12.510.000đ – 2.316.666đ = 10.193.334đ.

- *Lần thứ 4*: Ngày 15/4/2019, Ng cho chị V vay 25.000.000đ với lãi suất 3.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương 108%/năm). Ng đã thu lãi được 03 tháng gồm các tháng 5, 6, 7/2019 và 17 ngày kể từ ngày 15/7/2019 đến ngày 31/7/2019 với tổng số tiền là: 8.025.000đ.

Số tiền lãi hợp pháp là: 1.486.111đ.

Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: 8.025.000đ – 1.486.111đ = 6.538.889đ.

- *Lần thứ 5*: Ngày 16/4/2019, Ng cho chị V vay 10.000.000đ với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương 144%/năm). Ng đã thu lãi được 03 tháng gồm các tháng 5, 6, 7/2019 và 16 ngày kể từ ngày 16/7/2019 đến 31/7/2019 với tổng số tiền là: 4.240.000đ.

Số tiền lãi hợp pháp là: 588.888đ.

Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: 4.240.000đ – 588.888đ = 3.651.112đ.

- *Lần thứ 6*: Ngày 26/4/2019, Ng cho chị V vay 30.000.000đ với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương 144%/năm). Ng đã thu lãi được 03 tháng gồm tháng 5, 6, 7/2019 với tổng số tiền là: 10.800.000đ.

Số tiền lãi hợp pháp là: 1.500.000đ.

Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: 10.800.000đ – 1.500.000đ = 9.300.000đ.

- *Lần thứ 7*: Ngày 04/5/2019, Ng cho V vay 30.000.000đ với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương 144%/năm). V đã trả lãi cho chị Ng 02 tháng là tháng 6, 7/2019 với tổng số tiền là: 7.200.000đ.

Số tiền lãi hợp pháp là: 1.000.000đ.

Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: $7.200.000đ - 1.000.000đ = 6.200.000đ$.

- *Lần thứ 8*: Ngày 07/5/2019, Ng cho chị V vay 30.000.000đ với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương 144%/năm). Ng đã thu lãi được 02 tháng gồm tháng 6, 7/2019 với tổng số tiền là: 7.200.000đ.

Số tiền lãi hợp pháp là: 1.000.000đ.

Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: $7.200.000đ - 1.000.000đ = 6.200.000đ$.

- *Lần thứ 9*: Ngày 22/5/2019, Ng cho chị V vay 50.000.000đ với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương 144%/năm). Ng đã thu lãi được 02 tháng gồm tháng 6, 7/2019 với tổng số tiền là: 12.000.000đ.

Số tiền lãi hợp pháp là: 1.666.666đ.

Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: $12.000.000đ - 1.666.666đ = 10.333.334đ$.

- *Lần thứ 10*: Ngày 26/5/2019, Ng cho chị V vay 40.000.000đ với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương 144%/năm). Ng đã thu lãi được 02 tháng gồm tháng 6, 7/2019 với tổng số tiền là: 9.600.000đ.

Số tiền lãi hợp pháp là: 1.333.333đ.

Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: $9.600.000đ - 1.333.333đ = 8.266.667đ$.

- *Lần thứ 11*: Ngày 31/5/2019, Ng cho chị V vay 20.000.000đ với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương 144%/năm). Ng đã thu lãi được 02 tháng gồm tháng 6, 7/2019 với tổng số tiền là: 4.800.000đ.

Số tiền lãi hợp pháp là: 666.666đ.

Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: $4.800.000đ - 666.666đ = 4.133.334đ$.

- *Lần thứ 12*: Ngày 05/6/2019, Ng cho chị V vay 30.000.000đ với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương 144%/năm). Ng đã thu lãi được 01 tháng tính đến tháng 7/2019 với số tiền là: 3.600.000đ.

Số tiền lãi hợp pháp là: 500.000đ.

Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: $3.600.000đ - 500.000đ = 3.100.000đ$.

- *Lần thứ 13*: Ngày 08/6/2019, Ng cho chị V vay 10.000.000đ với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương 144%/năm). Ng đã thu lãi được 01 tháng tính đến tháng 7/2019 với số tiền là: 1.200.000đ.

Số tiền lãi hợp pháp là: 166.666đ.

Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: $1.200.000đ - 166.666đ = 1.033.334đ$

- *Lần thứ 14*: Ngày 12/6/2019, Ng cho chị V vay 30.000.000đ với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương 144%/năm). Ng đã thu lãi được 01 tháng tính đến tháng 7/2019 và 20 ngày kể từ 12/7 đến 31/7/2019 với số tiền là: 6.000.000đ.

Số tiền lãi hợp pháp là: 833.333đ.

Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: $6.000.000đ - 833.333đ = 5.166.667đ$.

- *Lần thứ 15*: Ngày 16/6/2019, Ng cho chị V vay 40.000.000đ với lãi suất 3.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương 108%/năm). Ng đã thu lãi được 01 tháng tính đến tháng 7/2019 và 16 ngày kể từ 16/7 đến 31/7/2019 với số tiền là: 5.520.000đ.

Số tiền lãi hợp pháp là: 1.022.221đ.

Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: 5.520.000đ - 1.022.221đ = 4.497.779đ.

- *Lần thứ 16*: Ngày 19/6/2019, Ng cho chị V vay 15.000.000đ với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương 144%/năm). Ng đã thu lãi được 01 tháng tính đến tháng 7/2019 với số tiền là: 1.800.000đ.

Số tiền lãi hợp pháp là: 250.000đ.

Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: 1.800.000đ - 250.000đ = 1.550.000đ.

- *Lần thứ 17*: Ngày 21/6/2019, Ng cho chị V vay 30.000.000đ với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương 144%/năm). Ng đã thu lãi được 01 tháng tính đến tháng 7/2019 với số tiền là: 3.600.000đ.

Số tiền lãi hợp pháp là: 500.000đ.

Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: 3.600.000đ - 500.000đ = 3.100.000đ.

- *Lần thứ 18*: Ngày 01/7/2019, Ng cho chị V vay 30.000.000đ với lãi suất 3.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương 108%/năm). Ng đã thu lãi được 01 tháng tính đến hết tháng 7/2019 với số tiền là: 2.700.000đ.

Số tiền lãi hợp pháp là: 500.000đ.

Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: 2.700.000đ - 500.000đ = 2.200.000đ.

- *Lần thứ 19*: Ngày 14/7/2019, Ng cho chị V vay 10.000.000đ với lãi suất 3.000đ/1 triệu/ 1 ngày.

Lần vay này Ng chưa thu được lãi.

- *Lần thứ 20*: Ngày 01/8/2019, Ng cho chị V vay 40.000.000đ với lãi suất 4.000đ/1 triệu/1 ngày (tương đương 144%/năm). Ng đã thu lãi được 01 tháng tính đến hết tháng 8/2019 với số tiền là: 4.800.000đ.

Số tiền lãi hợp pháp là: 666.666đ.

Số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: 4.800.000đ - 666.666đ = 4.133.334đ.

Như vậy, tổng số tiền lãi trong 20 lần vay (trong đó lần vay thứ 19 Ng chưa thu được lãi) đã nêu ở trên là: 118.195.000đ. Nhưng có một số khoản vay Phạm Thị Ng làm tròn số nên tổng số lãi thực tế đã thu là: 118.150.000đ. Trong đó, số tiền lãi hợp pháp là: 18.330.548đ, số tiền chiếm hưởng bất hợp pháp là: 99.819.452đ.

Tại Cơ quan điều tra Phạm Thị Ng đã khai nhận toàn bộ hành vi đã cho chị V vay tiền với lãi suất như trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2021/HS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định đã quyết định:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự;

- Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Ng phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”;

- Xử phạt bị cáo Phạm Thị Ng 30 (ba mươi) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Phạm Thị Ng.

Giao bị cáo Phạm Thị Ng cho Ủy ban nhân dân xã X huyện X, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú của người bị kết án trong việc giám sát, giáo dục người đó.

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 123, 131, 357, 463, 468 của Bộ luật Dân sự;

- Truy thu của chị Trần Thị V số tiền 530.000.000đ (Năm trăm ba mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

- Truy thu của bị cáo Phạm Thị Ng số tiền 18.330.548đ (Mười tám triệu, ba trăm ba mươi nghìn, năm trăm bốn mươi tám đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Phạm Thị Ng phải thanh toán cho anh Phạm Ngọc Th số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); thanh toán cho anh Phạm Đức Th1 số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng); thanh toán cho anh Trần Đình Ph số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng); thanh toán cho anh Trần Công Đ số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); thanh toán cho chị Trần Thị V số tiền 99.819.452đ (Chín mươi chín triệu, tám trăm mười chín nghìn, bốn trăm năm mươi hai đồng) .

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 08/02/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị V kháng cáo với nội dung đề nghị hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định và chuyển hồ sơ vụ án để điều tra lại.

Tại phiên toà phúc thẩm: Chị Trần Thị V giữ nguyên đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm: Đơn kháng cáo của chị Trần Thị V hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Quá trình điều tra, truy tố ở giai đoạn sơ thẩm đã được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội. Mức hình phạt 30 tháng cải tạo không giam giữ mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo; việc truy thu của chị Trần Thị V số tiền 530.000.000đ (Năm trăm ba mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước, là có căn cứ.

Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Trần Thị V và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục: Đơn kháng cáo của chị Trần Thị V làm trong thời hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm, xét thấy Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường đã xét xử bị cáo Phạm Thị Ng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, theo quy định tại khoản 1 Điều 201 BLHS là đúng người, đúng tội, không oan.

[3] Xét kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định của chị Trần Thị V; Hội đồng xét xử nhận thấy.

Quá trình điều tra, truy tố ở giai đoạn sơ thẩm Cơ quan điều tra Công an huyện Xuân Trường, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, Kiểm sát viên đã được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, theo quy định tại khoản 1 Điều 201 BLHS là đúng người, đúng tội, mức hình phạt 30 tháng cải tạo không giam giữ mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo. Đối với số tiền 530.000.000 đồng (Tiền gốc) mà bị cáo Ng cho chị V vay. Cần xác định số tiền này là phương tiện phạm tội, cho nên cấp sơ thẩm truy thu sung ngân sách Nhà nước là có căn cứ.

[4] Từ nhận định trên đây, Hội đồng xét xử xét thấy, cần căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Không chấp nhận đơn kháng cáo của chị Trần Thị V và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị Trần Thị V phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1.1 Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Thị Ng 30 (ba mươi) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”;

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Phạm Thị Ng.

Giao bị cáo Phạm Thị Ng cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú của người bị kết án trong việc giám sát, giáo dục người đó.

1.2 Về biện pháp tư pháp: Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 123, 131, 357, 463, 468 của Bộ luật Dân sự;

- Truy thu của chị Trần Thị V số tiền 530.000.000đ (Năm trăm ba mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

- Truy thu của bị cáo Phạm Thị Ng số tiền 18.330.548đ (Mười tám triệu, ba trăm ba mươi nghìn, năm trăm bốn mươi tám đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Phạm Thị Ng phải thanh toán cho anh Phạm Ngọc Th số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); thanh toán cho anh Phạm Đức Th1 số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng); thanh toán cho anh Trần Đình Ph số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng); thanh toán cho anh Trần Công Đ số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); thanh toán cho chị Trần Thị V số tiền 99.819.452đ (Chín mươi chín triệu, tám trăm mười chín nghìn, bốn trăm năm mươi hai đồng) .

2. Về án phí: Chị Trần Thị V phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị V đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0001980 ngày 22/02/2021 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Xuân Trường, chị V được hoàn lại số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng).

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND. CC;
- VKSND Tỉnh Nam Định;
- TA - CA - VKSND h. Xuân Trường;
- CC. THADS h. Xuân Trường;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Vũ Hà Nam